

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TNH23B2**
Mã MH/MĐ: **MH002169**
Tên MH/MĐ: **Môi trường và an ninh - an toàn trong nhà hàng**
Số TC: **2**

Năm học: **23-24**
Học kỳ: **01**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2358102064574	Trần Ngọc Phương	Anh	29/05/2008			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
2	2358102064575	Nguyễn Hoàng Kỳ	Bảo	25/02/2008			8	10.0	10.0		8.4		8.9
3	2358102064576	Huỳnh Tín	Đạt	05/12/2008			5	8.0	8.0		8.2		7.9
4	2358102064577	Dương Thúy	Huyền	07/07/2008			6	5.8	5.8		7.6		6.9
5	2358102064578	Trần Thị Kim	Khánh	25/08/2008			6	6.0	6.0		8.6		7.6
6	2358102064579	Hứa Trí	Kiên	07/01/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
7	2358102064580	Nguyễn Trí	Kiệt	13/02/2008			6	8.5	8.5		8.6		8.4
8	2358102064581	Võ Lê Mỹ	Kiều	26/07/2008			6	6.0	6.0		8.6		7.6
9	2358102064582	Lê Bảo	Kỳ	10/11/2007			5	7.0	7.0		2.8		4.3
10	2358102064583	Nguyễn Lê Thanh	Ngân	28/07/2007			5	5.0	5.0		0.0		2.0
11	2358102064584	Trần Minh	Nhật	05/10/2007			8	10.0	10.0		8.6		9.0
12	2358102064585	Nguyễn Thị Thùy	Nhiên	13/06/2001			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
13	2358102064586	Huỳnh Văn Tài	Phong	03/04/2008			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
14	2358102064587	Trương Hồng	Thái	31/03/2008			5	6.0	6.0		8.8		7.6
15	2358102064588	Nguyễn Thị Kiều	Tiên	02/01/2008			8	10.0	10.0		9.0		9.2
16	2358102064589	Võ Ngọc Mai	Trang	11/12/2008			6	5.0	5.0		7.2		6.4
17	2358102064590	Trần Ngọc	Trân	15/04/2008			7	8.0	8.0		8.9		8.5
18	2358102064591	Trần Thị Bảo	Trân	26/01/2008			9	9.0	9.0		9.4		9.2
19	2358102064592	Nguyễn Minh	Trí	04/05/2008			5	6.5	6.5		5.0		5.5
20	2358102064593	Nguyễn Hiếu	Trung	05/08/2008			8.5	10.0	10.0		9.6		9.6
21	2358102064594	Võ Thị Mỹ	Tú	02/04/2008			8	10.0	10.0		7.7		8.5
22	2358102064595	Nguyễn Ngọc Mỹ	Xuyên	10/02/2008			9	8.0	8.0		8.6		8.4

Châu Đốc, ngày 29 tháng 1 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Đoàn Thị Minh Khánh